

Lý luận, thực tiễn và các giải pháp tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên : Luận án TS. Giáo dục học: 62 14 05 01 / Thạch Ngọc Yên ; Nghd. : PGS.TS. Đặng Quốc Bảo, PGS.TS. Bùi Văn Quân

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Trong mục tiêu phát triển bền vững của đất nước, việc đảm bảo sự ổn định về kinh tế - xã hội cho người dân luôn là vấn đề cần quan tâm của mỗi quốc gia. Đảng và Nhà nước Việt Nam không chỉ quan tâm phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao mà còn rất quan tâm đến việc chăm sóc, bảo vệ cho trẻ em, những chủ nhân tương lai của đất nước.

Mục tiêu phát triển đất nước bền vững đòi hỏi phải quan tâm và tập trung phát triển giáo dục. Giáo dục giữ vai trò chủ đạo, cho sự phát triển con người có nhận thức, có hành vi đúng đắn trong hoạt động, có tư duy sáng tạo trong hoạt động vì sự phát triển, sự tiến bộ của cộng đồng và xã hội. Vai trò của giáo dục được thể hiện trước hết với thế hệ trẻ, đặc biệt là trẻ em ở tuổi vị thành niên. Yêu cầu về chất lượng giáo dục không chỉ đòi hỏi sự tác động của nhà trường mà còn tác động của gia đình và xã hội. Trong đó, tổ chức xã hội ở các cộng đồng ngày càng cần phát huy vai trò của mình trong sự quan tâm đến thế hệ trẻ. Đặc biệt, đối với nhóm đối tượng là trẻ em phải sống lang thang ngoài đường phố. Đây là nhóm trẻ em chịu nhiều thiệt thòi, đòi hỏi phải tổ chức giáo dục bằng phương pháp phù hợp, tinh tế. Do điều kiện sống và môi trường hoạt động của trẻ em lang thang rất đa dạng, phức tạp và khó kiểm soát nên luôn tiềm ẩn những nguy cơ tác động đến nhân phẩm thậm chí cả sinh mạng của các em.

Trẻ em lang thang cần được tiếp nhận các tác động giáo dục thông qua các hình thức tổ chức giáo dục phù hợp với những nội dung đa dạng về văn hóa, về lối sống, những hiểu biết về sức khỏe sinh sản nhằm giúp các em có kỹ năng phòng chống sự tấn công của các tệ nạn xã hội. Tổ chức giáo dục cho trẻ em lang thang đường phố là việc làm khó khăn, phức tạp trên nhiều phương diện, trước hết cần tổ chức hợp lý các hoạt động giáo dục để phát huy được nhân tố tích cực trong nhóm đối tượng này, vì nhóm trẻ em lang thang phải tự tìm kiếm miếng ăn cho chính mình, đôi khi còn phải giúp đỡ cho cả gia đình.

Kết quả nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về vấn đề giáo dục trẻ em lang thang đã đi đến kết luận: *Nếu giáo dục trẻ em lang thang có kiến thức để phòng chống những nguy cơ bị tấn công bởi tệ nạn xã hội qua các hoạt động giáo dục đa dạng, phù hợp với hoàn cảnh của các em thì sẽ tạo ra sự chuyển biến tích cực về nhận*

thức, thái độ và thay đổi hành vi xấu. Đối với trẻ em lang thang trong độ tuổi vị thành niên thì việc tổ chức giáo dục đạo đức, nghề nghiệp và việc tổ chức giáo dục sức khỏe sinh sản có ý nghĩa quan trọng. Hiện nay, cũng còn có một số ý kiến khác nhau về việc cung cấp biện pháp tránh thai, phòng tránh bệnh lây truyền qua đường tình dục cho nhóm đối tượng này. Sự thiếu quan tâm cung cấp thông tin và các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đã làm tăng nguy cơ mắc các bệnh xã hội và những hậu quả khác của sinh hoạt tình dục không an toàn cho trẻ em lang thang.

1.2. Ở Việt Nam, dân số là vấn đề luôn luôn có sự thách thức. Chỉ tính khoảng thời gian 1975-1990, dân số nước ta tăng thêm 18,6 triệu người, trong khi cả Châu Âu chỉ tăng 20 triệu người. Qua tổng điều tra dân số, nhà ở, ngày 1/4/1999: dân số Việt Nam vào thời điểm điều tra là 76.324.000 người, xếp hàng thứ 2 trong nước Đông Nam Á, đứng thứ 13 trong 200 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

Năm 2006, Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường phát triển (CGFED: Centre for Gender, Family and Environment in Development) công bố thì Việt Nam là một trong 3 nước có tỷ lệ nạo phá thai cao nhất thế giới, có tới 20% người nạo phá thai ở lứa tuổi vị thành niên. Những bà mẹ sinh con trước 18 tuổi, đang ở lứa tuổi vị thành niên trên cả nước là khoảng 5%; khoảng 15% sinh con trước tuổi 20. Ước tính trung bình mỗi ngày có trên 20 ca nạo phá thai, khoảng 25% trong số đó chưa lập gia đình. Tình hình quan hệ tình dục ở lứa tuổi vị thành niên, trước và ngoài hôn nhân của vị thành niên và thanh niên ngày càng nghiêm trọng, không chỉ phổ biến ở các thành phố lớn, các khu đô thị mà xuất hiện ngày càng nhiều ở các vùng nông thôn. Nhóm vị thành niên phải tham gia kiếm sống sớm như trẻ em lang thang là nhóm dân cư trẻ, nghèo đang chịu nhiều thách thức.

Những năm gần đây, đã có một số dự án, đề tài nghiên cứu, khảo sát, đánh giá về giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên đã được tiến hành. Một số nghiên cứu về trẻ em lang thang của Timothy W. Bons “Trẻ bụi đời tại thành phố Hồ Chí Minh” (1992); Nguyễn Văn Buồm Jonathan Caseley, “Khảo sát thực trạng trẻ em đường phố tại Hà Nội” (1996); Nguyễn Văn Thắng “Các biện pháp giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh trung học phổ thông” (2000); Phạm Đức Quang “Nghiên cứu các giải pháp giáo dục trẻ em lang thang Việt Nam” (2003); Đỗ Thị Ngọc Phương “Cơ cấu nhóm của trẻ em lang thang và các biện pháp giáo dục thông qua nhóm” (2004); Võ Trung Tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh “Trẻ em lang thang kiếm sống trên đường phố tại thành phố” (2005).

Tuy nhiên, việc nghiên cứu về tổ chức giáo dục trẻ em lang thang về giáo dục sức khỏe sinh sản còn ít được chú ý. Vì lý do trên chúng tôi chọn đề tài Luận án:

“Lí luận, thực tiễn và các giải pháp tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên”

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu các vấn đề lý luận, thực tiễn, để từ đó đề xuất các giải pháp tổ chức giáo dục trẻ em lang thang (TELT) thông qua hoạt động giáo dục giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên (SKSS.VTN) nhằm góp phần phòng chống tệ nạn xã hội ở nhóm trẻ em đặc biệt này.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu lý luận việc tổ chức giáo dục cho trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục về sức khỏe sinh sản vị thành niên.

3.2. Phân tích thực tiễn tình hình trẻ em lang thang và hoạt động giáo dục cho nhóm trẻ em này (qua tình hình ở thành phố Hồ Chí Minh).

3.3. Đề xuất các giải pháp tổ chức giáo dục cho trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục về sức khỏe sinh sản vị thành niên.

3.4. Trưng cầu ý kiến về tính hiện thực và tính khả thi của các nhóm giải pháp, thử nghiệm một trong các nhóm giải pháp đã đề xuất về tổ chức giáo dục cho trẻ em lang thang qua việc giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên.

4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

4.1. Khách thể nghiên cứu

Tổ chức giáo dục trẻ em lang thang.

4.2. Đối tượng nghiên cứu

Giải pháp tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên.

5. Giả thuyết nghiên cứu

Tổ chức giáo dục cho trẻ em lang thang đường phố sẽ đạt được hiệu quả góp phần phòng chống tệ nạn xã hội, nếu chúng ta chú ý và biết sử dụng đồng bộ các giải pháp tổ chức giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho nhóm đối tượng này trên cơ sở vận hành tối ưu cấu trúc của các tổ chức xã hội đang có, hướng các tổ chức này vào việc thực hiện các hoạt động giáo dục đặc biệt giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và hoàn cảnh sống của trẻ em lang thang.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận

- Tiếp cận hệ thống.
- Tiếp cận nhân cách.

6.2. Các phương pháp cụ thể

6.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Sử dụng các phương pháp: Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa các tư liệu để xây dựng các khái niệm công cụ và khung lý thuyết của đề tài.

6.2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp điều tra xã hội học

- Phương pháp quan sát: Quan sát hoạt động của trẻ em lang thang, những biểu hiện nhân cách các em khi tham gia các hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên.
- Phương pháp phỏng vấn sâu: thực hiện với 3 cán bộ quản lý tại cộng đồng, 5 giáo dục viên, cộng tác viên, 10 trẻ em lang thang có hoàn cảnh khó khăn, nhằm tìm hiểu:
 - Những khó khăn và thuận lợi của những người quản lý, tổ chức, những người trực tiếp tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên.
 - Mong muốn của trẻ em lang thang và những rào cản đối với các em khi tham gia hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên.
- Phương pháp nghiên cứu điển hình (case study): Được sử dụng để nghiên cứu sâu một số trường hợp trẻ em lang thang có nghị lực tốt vượt qua hoàn cảnh khó khăn không để nhân cách tha hoá.
- Phương pháp chuyên gia: Mời chuyên gia đầu ngành về quản lý giáo dục đọc và góp ý trực tiếp luận án.
- Phương pháp thử nghiệm: Thử nghiệm kiểm chứng một số giải pháp tác động vào thực tiễn.

6.2.3. Phương pháp hỗ trợ

Dùng phương pháp thống kê để xử lý các kết quả nghiên cứu thực tiễn.

7. Giới hạn nghiên cứu

Tập trung phân tích thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh

Nhóm trẻ em lang thang đường phố để giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên được giới hạn trong độ tuổi từ 10 tuổi đến 16 tuổi.

Về địa bàn và người được nghiên cứu

Các nghiên cứu được thực hiện tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh:

- Quận 1, quận 3, quận 5 là khu vực nội thành trung tâm nơi hiện có nhiều hoạt động du lịch và chợ đầu mối.
- Quận Tân Bình, Bình Thạnh, quận 12 là nơi có đông dân nhập cư, nhiều ngành tiểu thủ công nghiệp.
- Huyện Hóc Môn là một huyện ngoại thành hiện có nhiều nhà máy sản xuất nhỏ và vừa.

Số người được khảo sát

<i>Cán bộ quản lý hoạt động trẻ em tại cộng đồng:</i>	140 người
- Cán bộ quản lý cộng đồng	40 người
- Cán bộ chuyên môn về công tác xã hội, trẻ em	70 người
- Giáo viên, giáo dục viên, cộng tác viên công tác trẻ em	30 người
<i>Trẻ em lang thang</i>	550 em

- TELT sống lang thang một mình hoặc theo nhóm: 400 em
- TETL sống tại mái ấm, nhà mở. 120 em
- TETL sống cùng cha mẹ tại nhà trọ, nhà thuê. 30 em

(Có hộ khẩu Tp. Hồ Chí Minh, tạm trú hay tình trạng ở trọ không tạm trú)

8. Những luận điểm bảo vệ

8.1. Trẻ em lang thang là nhóm trẻ em chịu nhiều thiệt thòi, cần được xã hội quan tâm chăm sóc giáo dục. Sự chăm sóc, giáo dục các em vừa giúp cho xã hội được ổn định và giúp cho các em không bị suy thoái nhân cách, không sa vào các tệ nạn xã hội. Sự chăm sóc này không làm theo kiểu tùy hứng mà thực hiện có tổ chức, có mục đích.

8.2. Tổ chức giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho trẻ em lang thang trong hoàn cảnh hiện nay, ở nước ta cần được quan tâm đặc biệt. Sự quan tâm này xuất phát từ mục tiêu nâng cao chất lượng dân số quốc gia đồng thời còn vì quyền lợi của các em, thực hiện Quyền trẻ em theo Công ước Quốc tế.

8.3. Để tổ chức giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho trẻ em lang thang phải thực hiện hệ thống các giải pháp:

- + Phát huy vai trò của các chủ thể/lực lượng tham gia tổ chức hoạt động giáo dục trẻ em lang thang qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên.
- + Khẳng định được mô hình tổ chức giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên thích hợp với hoàn cảnh trẻ em lang thang
- + Tăng cường các điều kiện cho mục tiêu đề ra.
- + Tăng cường kiểm tra, giám sát kịp thời xử lý các vi phạm và tôn vinh các tấm lòng nhân ái vì các em.

9. Điểm mới của luận án

- Xây dựng cơ sở lý luận, luận án làm sáng tỏ các nội dung, phương pháp tổ chức giáo dục trẻ em lang thang tại TP.Hồ Chí Minh.
- Đề xuất gia3p háp tổ chức giáo dục tre em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên.
- Kết quả nghiên cứu có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu cho nhà quản lí để tổ chức giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên. Làm bài giảng, tư vấn bố mẹ phòng tránh tệ nạn xã hội cho trẻ em tại cộng đồng

10. Cấu trúc của luận án: Gồm phần mở đầu, 3 chương và kết luận - khuyến nghị

Chương 1: Cơ sở lý luận của việc tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên (từ trang 10 đến trang 60).

Chương 2: Cơ sở thực tiễn của việc tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên trong hoàn cảnh hiện nay: Phân tích tình hình tại thành phố Hồ Chí Minh (từ trang 61 đến trang 119).

Chương 3: Giải pháp tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên (từ trang 120 đến trang 167).

Kết luận và khuyến nghị (từ trang 168 đến trang 172).

Tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC TỔ CHỨC GIÁO DỤC TELT THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC SỨC KHOẺ SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

- ***Trẻ em lang thang và tệ nạn xã hội tác động đến trẻ em lang thang ở một số nước trên thế giới***

Ước tính trên toàn cầu tổng số trẻ em lang thang có khoảng 100 triệu em, một nửa số này ở châu Mỹ La Tinh. Con số này đang tăng lên nhanh chóng do quá trình đô thị hoá phát triển. Theo Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), trẻ em lang thang trên thế giới thường xuyên bị bóc lột. 70% tập trung ở châu Mỹ La tinh, châu Phi, châu Á. Riêng tại châu Á, có khoảng 25 triệu đến 30 triệu trẻ em dưới 18 tuổi do thiếu hiểu biết đã bị đẩy vào tệ nạn xã hội. Trẻ em lang thang từ cuộc sống lang thang, thất học lại phải lao động sớm, thiếu hiểu biết sẽ dễ nhiễm những thói hư, tật xấu, nguy cơ phạm pháp, bị lạm dụng sức lao động và lạm dụng tình dục.

- ***Trẻ em lang thang và tệ nạn xã hội tác động đối với TELT ở Việt Nam***

Sau khi thực hiện quyết định của 134/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ, đến năm 2002 số TELT còn 22.000 em và đến tháng 2 năm 2003 theo báo cáo của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em của 58 tỉnh, thành phố còn 20.541 TELT.

Từ khi triển khai Quyết định 19/2004/QĐ-TTg (12/02/2004) của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phòng ngừa và giải quyết tình trạng TELT, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại nguy hiểm, số lượng trẻ em đường phố đã ngày càng giảm từ 19.753 (năm 2002) xuống còn 7.026 (năm 2005) và tính đến tháng 10/2006 chỉ còn 6.793 em. Theo báo cáo của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trước đây, số trẻ em đường phố tiếp tục giảm. Mọi sự đe dọa, các nguy cơ tiềm ẩn, mầm mống của hành vi tội phạm, không chỉ phụ thuộc vào môi trường sống xã hội, cộng đồng và gia đình, mà còn phụ thuộc rất nhiều vào kiến thức, thái độ, hành vi ứng xử của các em, đặc biệt là những kiến thức về SKSS.VTN.

Tuy nhiên, kết quả chưa bền vững. Qua tìm hiểu thường các em vào thành phố chủ yếu là kiếm sống và nghỉ học. Sống thành phố càng lâu càng khó phục hồi tâm lý, khó đưa các em trở về với gia đình, cộng đồng dễ rơi vào cạm bẫy tệ nạn xã hội.

1.2. Các khái niệm cơ bản của đề tài

1.2.1. Trẻ em lang thang

Theo UNICEF: trẻ em dưới 18 tuổi, phần lớn thời gian lang thang trên đường phố:

1/ Trẻ em sống trên đường phố: đã cắt đứt mối quan hệ với gia đình và sống một mình trên đường phố.

2/ Trẻ em sống trên đường phố như là những trẻ em dành tất cả hoặc phần lớn thời gian trên đường phố để kiếm tiền giúp đỡ cho gia đình hoặc bản thân. Những trẻ thuộc nhóm này có trở về gia đình nhưng không thường xuyên.

3/ Trẻ em sống cùng gia đình trên đường phố: Là những trẻ em sống trên đường phố cùng gia đình, các gia đình này thường nghèo phải sống tạm bợ.

Luận án chọn khái niệm *Trẻ em lang thang (TELT)* xác định trong Luật Bảo vệ, Chăm sóc, Giáo dục Trẻ em Việt Nam (điều 3, phần 2): “*Trẻ em lang thang là trẻ em rời bỏ gia đình, tự kiếm sống và nơi cư trú không ổn định hoặc là trẻ em cùng với gia đình đi lang thang*”.

1.2.2. Tổ chức

Trong khoa học quản lí, thuật ngữ “tổ chức” thường được hiểu:

- i) *Như một tập thể người liên kết với nhau theo những quy chế nhất định, cùng hoạt động vì mục đích chung, để đạt mục đích đó, mà một người riêng lẻ không thể đạt.*
- ii) *Tổ chức là một chức năng chủ yếu của quản lí.*

Chức năng tổ chức được hiểu là quá trình hình thành các cấu trúc quan hệ giữa các thành viên, giữa các bộ phận trong tổ chức, thực hiện phân công lao động, phối hợp, điều phối các nguồn lực, vật lực một cách thích hợp để thực hiện thành công các kế hoạch đạt đến mục tiêu tổng thể của tổ chức.

Tổ chức bao gồm nhiều công việc, từ việc thiết kế bộ máy, xác định các vị trí, bố trí nhân lực đến tổ chức thực hiện các kế hoạch trong tổ chức.

1.2.3. Hoạt động giáo dục

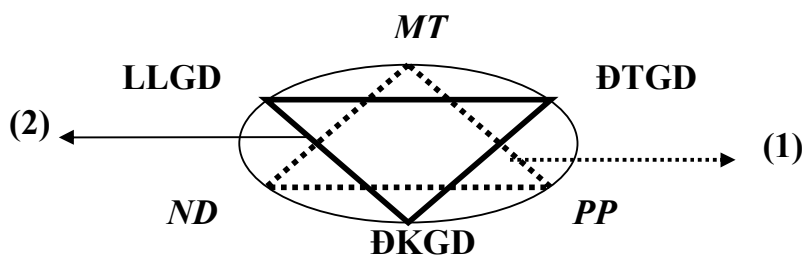
1.3. Tổ chức hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên

1.3.1. Tổ chức hoạt động giáo dục (HĐGD)

Trong quá trình phân công phối hợp các nhiệm vụ và nguồn lực giáo dục để đạt đến mục tiêu cụ thể về tổ chức giáo dục SKSS cho đối tượng VTN là TELT cần phù hợp với nội dung chương trình mục tiêu khái quát với giáo dục SKSS của quốc gia.

Tổ chức hoạt động giáo dục được khái quát qua mô hình:

MT:	Mục tiêu giáo dục	LLGD:	Lực lượng giáo dục
ND:	Nội dung giáo dục	ĐTGD:	Đối tượng giáo dục
PP:	Phương pháp giáo dục	ĐKGD:	Điều kiện giáo dục



Mô hình 1.1: Mô hình liên kết các nhân tố của hoạt động giáo dục

1.3.2. Sức khỏe sinh sản

Tại thủ đô Cairô (Ai cập) tháng 9 năm 1994 Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển, khẳng định: “SKSS là tình trạng hoàn toàn mạnh khỏe về thể chất, tinh thần, xã hội và không chỉ là không bệnh tật hay không tàn tật và cả những gì liên quan tới hệ thống sinh sản, chức năng và quá trình sinh sản, SKSS có nghĩa là mọi người đều có thể được hưởng đời sống tình dục an toàn và thỏa mãn, có khả năng sinh sản và được tự do quyết định có sinh hay không, sinh khi nào và sinh bao nhiêu, có nghĩa là nam và nữ có quyền được tiếp cận với các thông tin và biện pháp KHHGD an toàn, hiệu quả, vừa túi tiền, có thể chấp nhận được và được tự lựa chọn, cũng như các biện pháp khác để điều hòa sinh sản mà không trái với pháp luật”.

1.3.3. Vị thành niên

Theo từ điển tiếng Việt (NXB. KHXH – Hà nội, 1997): “Vị thành niên là người chưa đến tuổi trưởng thành để chịu trách nhiệm về những hành động của mình”. Khái niệm này được hiểu: “Vị thành niên” là quá trình phát triển của con người với đặc điểm lớn nhất là sự tăng trưởng nhanh chóng để đạt tới sự trưởng thành về cơ thể, sự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm xã hội, định hình nhân cách để nhận lãnh trách nhiệm xã hội đầy đủ.

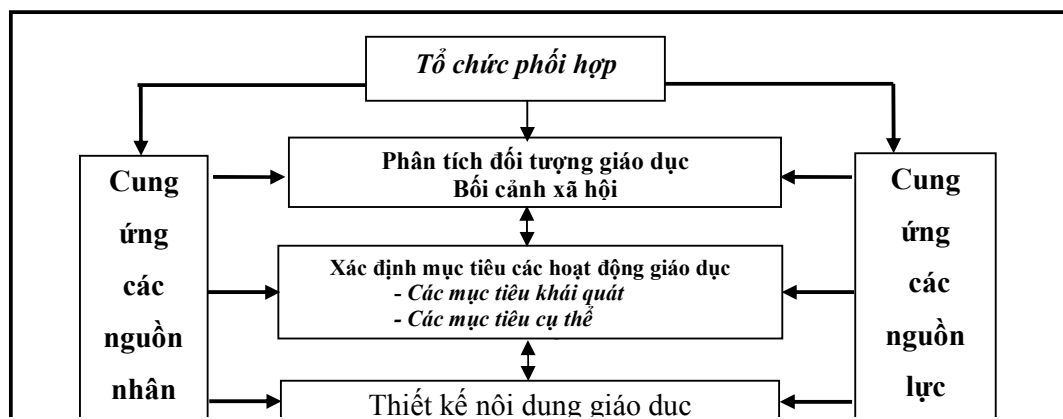
1.3.4. Sức khỏe sinh sản vị thành niên

Hiện nay có nhiều định nghĩa về “sức khỏe sinh sản vị thành niên”, trong phạm vi luận án, người nghiên cứu xin đưa ra định nghĩa như sau: “Sức khỏe sinh sản vị thành niên là nội dung về sức khỏe sinh sản liên quan đến lứa tuổi vị thành niên, bao gồm sức khỏe và dinh dưỡng, nhất là đối với vị thành niên gái. Những hiểu biết về cách gìn giữ sức khỏe khi có thai, biến đổi của cơ thể trong giai đoạn phát triển quan trọng này của mỗi con người, phát triển hiểu biết về tình dục học và “sức khỏe tình dục” là những mặt quan trọng của sức khỏe sinh sản trong suốt đời người”.

1.3.5. Tổ chức hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên và mô hình tổ chức hoạt động

Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục, bao gồm :

- Xác định mục tiêu giáo dục SKSS cho VTN.
- Thiết kế nội dung giáo dục SKSS cho VTN
- Tổ chức các hoạt động giáo dục tương ứng với nội dung đã xác định.
- Xác định các lực lượng phối hợp tham gia vào hoạt động giáo dục.
- Huy động các nguồn lực hỗ trợ và tổ chức cung ứng theo mục tiêu.
- Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động.





1.3.6. Phòng chống tệ nạn xã hội

Tệ nạn xã hội: Nghị Định của Chính Phủ số 87/CP ngày 2/12/1995, Điều 1: “Mại dâm, ma túy là các TNXH trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, giống nòi, đạo đức và văn hóa của nhân dân và trật tự an toàn xã hội; chúng để lại hậu quả nghiêm trọng cho các thế hệ sau. Mọi hình thức biểu hiện các tệ nạn này phải được ngăn ngừa, kẻ vi phạm phải bị nghiêm trị”.

1.4. Những vấn đề tệ nạn xã hội tác động đến trẻ em lang thang

1.5. Tổ chức giáo dục trẻ em lang thang về sức khỏe sinh sản vị thành niên: *Phục vụ mục tiêu phòng chống tệ nạn xã hội*

1.5.1. Cơ sở pháp lý của tổ chức hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho trẻ em lang thang

1.5.2. Đặc điểm tâm lý của trẻ em lang thang

1.5.3. Nội dung tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục về sức khỏe sinh sản vị thành niên

- Xác định mục tiêu tổ chức giáo dục TELT
- Xác định nội dung tổ chức giáo dục
- Xác định các lực lượng tham gia tổ chức giáo dục TELT
- Xác định phương pháp tổ chức giáo dục TELT
- Huy động các nguồn lực cung ứng
- Kiểm tra, đánh giá việc tổ chức giáo dục TELT

1.5.4. Tác dụng của việc tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên

1.6. Kinh nghiệm thế giới

1.6.1. Tình hình chung

1.6.2. Kinh nghiệm về giải pháp tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên ở một số nước ASEAN

Tiểu kết chương 1

Trẻ em lang thang là vấn đề có tính xã hội trong sự phát triển của các nước trước quá trình đô thị hoá. Xu thế này không thể cưỡng lại được không chỉ ở các nước

đang phát triển mà còn ở các nước phát triển. Nguyên nhân dẫn trẻ em đến sự lang thang là do các khó khăn về kinh tế, về xã hội, cũng là do một số các em không đủ bản lĩnh để vượt qua các hoàn cảnh éo le hoặc ảnh hưởng của bạn bè xấu. Thái độ đối với trẻ em lang thang không thể bỏ mặc, cũng không thể đơn thuần dùng các biện pháp hành chính máy móc áp chế.

Tổ chức giáo dục cho trẻ em lang thang cần quán triệt các chức năng quản lí. Sự giáo dục hòa nhập, giáo dục đồng đẳng là rất cần thiết trong hoàn cảnh nước ta hiện nay. Thông qua hoạt động này, trẻ em lang thang có kiến thức kỹ năng cần thiết bảo vệ mình chống các cám dỗ đưa các em vào con đường quan hệ tình dục không an toàn.

- Việc tổ chức giáo dục cho trẻ em lang thang có nhiều nội dung cần chú ý song phải đặc biệt chú ý tới vấn đề giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên. Phải thực hiện nội dung giáo dục này thích hợp nhu cầu của các em, theo tâm lý của các em, theo hoàn cảnh của các em để các em có sức đề kháng với cám dỗ đang rình rập như sự lạm dụng sức lao động, lạm dụng tình dục... Từ đó giúp các em có sự hài hoà về đời sống vật chất, đời sống tinh thần. Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho trẻ em lang thang nếu làm tốt thì đó là một con đường hữu hiệu phòng chống tệ nạn xã hội, giảm thiểu được tệ nạn xã hội.

- Tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cần tiếp cận được mô hình tổ chức giáo dục. Trong đó phân tích được đặc điểm đối tượng, thiết kế được nội dung giáo dục phù hợp, lựa chọn hình thức phương pháp giáo dục có hiệu quả; kiểm tra, đánh giá kịp thời, thực hiện được sự phối hợp, đồng thời cung ứng các nguồn lực cho mục tiêu đề ra.

- Các nước ASEAN gần nước ta như Thái Lan, Indonesia, Philipines đều giành nhiều sự chú ý cho việc giáo dục trẻ em lang thang, đặc biệt giáo dục các em qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên. Họ chú ý sử dụng kênh giáo dục không chính qui và thu hút sức mạnh của xã hội cho mục tiêu này. Đây là vấn đề mà nước ta cần chú ý học tập kinh nghiệm.

Chương 2

CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA VIỆC TỔ CHỨC GIÁO DỤC TRẺ EM LANG THANG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC SKSS.VTN TRONG HOÀN CẢNH HIỆN NAY: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Tình hình trẻ em lang thang tại thành phố Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái quát về địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

2.1.2. Các hoạt động kinh tế - xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh: thành tựu và thách thức

2.1.3. Những tác động của tệ nạn xã hội đến với trẻ em lang thang tại thành phố Hồ Chí Minh

- Tình hình trẻ em lang thang tại thành phố Hồ Chí Minh

Các nghiên cứu về trẻ em lang thang tại thành phố Hồ Chí Minh, cho thấy rằng cũng như một số thành phố lớn trên thế giới và khu vực trong quá trình phát triển và

nhịp độ đô thị hóa tăng, đã kéo theo nhiều thách thức. Có những tệ nạn xã hội tác động đến đời sống cộng đồng dân cư, trẻ em là đối tượng chịu nhiều áp lực nhất.

Thành phố thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ để trợ giúp cho dân nghèo như chương trình xóa đói giảm nghèo, các hoạt động học bổng hay bảo trợ xã hội cung cấp các dịch vụ miễn phí cho trẻ em và người nghèo. Do dân số qua đông, cùng với việc gia tăng dân số cơ học, thành phố phải đối diện với những thách thức như quản lý hành chính, trật tự an toàn trong việc tổ chức chăm lo đời sống cho người dân. Vì là một thành phố năng động nên thu hút nhiều hoạt động kinh tế - sản xuất, đồng thời cũng thu hút nhiều dân nhập đến làm công tại các khu vực; kéo theo trẻ em lang thang kiếm sống trên địa bàn cũng gia tăng và chịu đựng nhiều áp lực kèm theo sự bất hạnh, thiệt thòi về tinh thần cả thể chất. Phân tích các nhóm trẻ em khó khăn cho thấy: Hoàn cảnh của các em lang thang thuộc một số dạng sau :

1. Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa
2. Trẻ em vi phạm pháp luật
3. Trẻ em bị xâm hại tình dục
4. Trẻ em suy dinh dưỡng
5. Trẻ em tàn tật
6. Trẻ em bị nhiễm chất độc da cam
7. Trẻ em nghiện ma túy
8. Trẻ em làm con nuôi cho người nước ngoài
9. Trẻ em là con em một số vùng dân tộc thiểu số....

2.2. Thực trạng tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên tại thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Ý kiến của cán bộ quản lý đối với việc tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên

Cán bộ quản lý (CBQL) được mời trả lời về công tác tổ chức giáo dục *trẻ em lang thang* có 52 người: Nữ: 22 người, chiếm 42.3%. Nam: 30 người, chiếm 57.5%

Được phân theo nhóm tuổi đời:

Nhóm từ 25 – 40 tuổi: 29 người, chiếm 32.7%, nhóm này rất năng động, tham gia rất tích cực trong công tác tổ chức giáo dục, đặc biệt là sinh hoạt cùng nhóm, cùng các em vui chơi, ca hát, phù hợp với hoạt động giáo dục trẻ em lang thang.

Bảng 2.1: Nội dung cần thiết tổ chức giáo dục cho trẻ em lang thang

STT	Nội dung cần tổ chức giáo dục cho trẻ em lang thang	Cần thiết		Chưa cần	
		Ý kiến CBQL	Tỉ lệ %	Ý kiến CBQL	Tỉ lệ %
1	Tổ chức giáo dục về đạo đức, lối sống	52	100	0	0
2	Tổ chức cho TELT học chữ	32	61.5	20	38.5
3	Tổ chức TELT học nghề	38	73.1	14	26.9
4	Tổ chức giáo dục về tâm lý, tình cảm TELT	30	57.7	22	42.3
5	Tổ chức giáo dục về SKSS.VTN	51	98.1	1	1.9

Từ bảng 2.1 cho thấy ý kiến CBQL đối với việc giáo dục trẻ em lang thang quan trọng nhất là tổ chức giáo dục đạo đức, lối sống, cả 52 người đều đồng tình, chiếm 100%. Tổ chức cho TELT học chữ có 32 ý kiến, chiếm 61.5%. Tổ chức TELT học nghề có 38 ý kiến, chiếm 73.1%.

Giáo dục về tâm lý, tình cảm cho TELT có 30 ý kiến, chiếm 57.7%. Riêng tổ chức giáo dục về SKSS.VTN có 51 ý kiến, chiếm 98.1%; có một cán bộ quản lý cho là TELT sẽ hồi gia không cần phải lo, để cộng đồng nơi các em sống có gia đình tự giải quyết.

Số CBQL cho là chưa cần thiết để tổ chức giáo dục trẻ em lang thang, theo ý kiến của chị T.T D tại phường 10, quận 6, đại diện cho một số cán bộ quản lý khác phát biểu: *“Phần lớn TELT phải hồi gia, nhiệm vụ giáo dục là do địa phương nơi các em đang sống vì nơi đó có cha mẹ của các em”*

Nói về điều cản trở khó khăn mà họ thường gặp trong quá trình tổ chức giáo dục các em ở các nội dung nêu trên, thì mức độ khó khăn được tổng kết như sau:

1-	Tổ chức giáo dục về SKSS.VTN:	43 ý kiến, chiếm	82.7%
2-	Tổ chức TELT học nghề:	25 //	48.1%
3-	Tổ chức TELT học chữ:	15 //	28.8%
4-	Tổ chức giáo dục về đạo đức, lối sống:	12 //	23.1%
5-	Tổ chức giáo dục về tâm lý, tình cảm TELT:	10 //	19.2%

Tìm hiểu về các nhân tố tác động đến nội dung tổ chức hoạt động giáo dục SKSS.VTN cho TELT kết quả được ghi nhận bảng sau:

Bảng 2.2: Các nội dung tổ chức giáo dục SKSS.VTN cho TELT mà CBQL quan tâm

<i>STT</i>	<i>Nội dung tổ chức giáo dục SKSS.VTN cho TELT mà CBQL quan tâm</i>	<i>Ý kiến CBQL</i>	<i>Tỉ lệ %</i>
1	Lực lượng giáo dục nội dung SKSS.VTN	42	80.8%
2	Nội dung giáo dục SKSS.VTN phù hợp	39	75.0%
3	Cách qui tụ TELT để tổ chức giáo dục	39	75.0%
4	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục	32	61.5%
5	Phối hợp liên ngành trong tổ chức giáo dục	27	51.9%
6	Kiểm tra, đánh giá kết quả	25	48.1%
7	Chi phí để tổ chức hoạt động giáo dục	22	42.3%

Về lực lượng giáo dục, có 42 ý kiến, chiếm 80.8% cho là cần phải hiểu và thông cảm với TELT.

Về nội dung giáo dục SKSS.VTN, 39 ý kiến, chiếm 75%. 39 Ý kiến CBQL, chiếm 75%, cho là việc qui tụ TELT có khó khăn. Phương pháp chuyển tải nội dung đến TELT cần nghiên cứu, vì TELT khó ngồi yên, đã khiến cho CBQL nghi ngại: 32 ý kiến, chiếm 61.5%. 27 ý kiến CBQL, chiếm 51.9% lo lắng nhiều về việc phối hợp các ban ngành.

Về chi phí thì 22 ý kiến, chiếm 43.2%. Về việc kiểm tra, đánh giá kết quả: 25 ý kiến, chiếm 48.1%, tỏ ra băn khoăn để đánh giá đúng.

Về lực lượng giáo dục: 7.7% CBQL cho là đạt chất lượng tốt và 92.3% CBQL (48 ý kiến) cho là lực lượng giáo dục đạt loại khá.

Về nội dung giáo dục SKSS.VTN: 94% CBQL (49 ý kiến) cho là nội dung tốt, phù hợp với TELT, 5.8% ý kiến cho là nội dung chỉ đạt khá.

Về cách qui tụ TELT: 25% ý kiến CBQL cho là việc qui tụ tốt. 75% CBQL có ý kiến là việc qui tụ TELT đạt khá, cần phải quan tâm hơn.

Về phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục: 80.8% ý kiến cho là phương pháp tổ chức tốt, 19.2% ý kiến đạt khá.

Phối hợp liên ngành trong tổ chức giáo dục cho TELT, có 17.5% ý kiến cho là phối hợp tốt, 53.8% ý kiến cho là khá. Nhưng 30.5% ý kiến cần phải có sự tác động về phía lãnh đạo quận để ban ngành tại cộng đồng tham gia đồng đều hơn.

Về kiểm tra, đánh giá kết quả có 76.8% ý kiến cho đạt khá, còn lại 23.1% ý kiến cho là cần điều chỉnh, để đánh giá chính xác trong quá trình tổ chức giáo dục cho TELT hiệu quả hơn.

Chi phí để tổ chức hoạt động giáo dục từ ngân sách 5.2% ý kiến cho là tốt. 84.6% ý kiến cho là khá hơn nếu vận động được nguồn từ nhân dân, tổ chức phi chính phủ, ngoài ngân sách thì sẽ đảm bảo hỗ trợ thu nhập một phần cho TELT khi tham gia hoạt động giáo dục.

2.2.2. Phân tích chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo dục viên, cộng tác viên tham gia việc tổ chức giáo dục sức khoẻ sinh sản vị thành niên và ý kiến của họ về đời sống của trẻ em lang thang

Nghiên cứu khảo sát 140 CBQL, giáo dục viên (GDV), cộng tác viên (CTV) công tác xã hội, cộng đồng trong quản lý giáo dục TELT tại các nơi có nhiều TELT đối với việc tổ chức giáo dục thông qua HĐGD về SKSS.VTN.

Kết quả thu được như sau:

Giới tính của cán bộ quản lý, giáo dục viên, cộng tác viên

Trình độ văn hoá của CBQL, GDV, CTV tại cộng đồng, chiếm 37% từ cao đẳng đại học và trên đại học. Chỉ có số ít 8.6% là trình độ THCS.

Chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo dục viên, cộng tác viên

- Cán bộ quản lý công tác địa phương: 28 người, chiếm 20.0%.

Lực lượng này có tác dụng hỗ trợ cho công tác tổ chức

- Cán bộ y tế, giáo dục: 22 người, chiếm 15.7%.

Lực lượng này có tác dụng hỗ trợ cho việc xác định nội dung và phương pháp giáo dục.

- Công tác xã hội, GDV, CTV phụ nữ, trẻ em: 90 người, chiếm 64.3%.

Lực lượng này có tác dụng hỗ trợ cho việc đi sâu vào đời sống tình cảm của TELT.

- Từ 55 trở lên 15 người, chiếm 10.7%.

Số CBQL, GDV, CTV đa số là nhóm 25 - 54 tuổi có 108 người, chiếm 77.1%. Họ nhiều kinh nghiệm trong giáo dục.

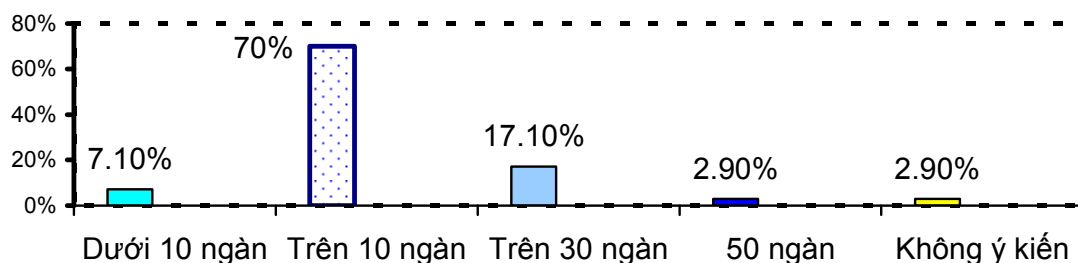
Nhóm GDV, CTV trẻ có 17 người, chiếm 12.2%: Thuận lợi cho việc hoà đồng

với TELT. Khi tham gia vui chơi với các em thường phù hợp hơn.

b. Ý kiến của cán bộ quản lý, giáo dục viên, cộng tác viên về TELT

- Về tiền TELT kiếm được trong ngày.
- Được trình bày từ biểu đồ sau:

Biểu 2.1: Ý kiến cán bộ quản lý, giáo dục viên, cộng tác viên về thu nhập trong ngày của TELT



Biểu đồ 2.1 cho thấy

- 50.000đ/ngày: 4 ý kiến, chiếm 2.9%
- Trên 30.000đ /ngày: 24 ý kiến, chiếm 17.1%
- Trên 10.000đ/ngày: 98 ý kiến, chiếm 70%.
- Dưới 10.000đ/ngày: 10 ý kiến, chiếm 7.1%.
- Không ý kiến: 2.9% .

So sánh với ý kiến của TELT về thu nhập thì ý kiến của CBQL, GDV, CTV phù hợp và tương đồng với ý kiến của TELT về tình trạng thu nhập thấp của các em.

Lý do TELT cần được trao đổi về SKSS.VTN

Khi phỏng vấn trực tiếp 85 người đồng ý có kết quả sau:

32 ý kiến, chiếm 37.6%. 22 ý kiến, chiếm 25.9%, CBQL về công tác xã hội quận 1 cho rằng: “*Các em có thêm hiểu biết để phòng tránh rủi ro bị lạm dụng tình dục, HIV/AIDS*”.

17 ý kiến, chiếm 20%, GV trường cấp 2, quận Bình Thạnh có ý kiến: “*Cho các em biết là cần thiết, song phải tùy theo tuổi của các em mà thông tin*”.

Đánh giá hiểu biết của TELT về HIV/AIDS

107 ý kiến, chiếm 76.4%: cho là TELT có hiểu biết về HIV/AIDS, ma túy.

2.2.3. Nhận thức - thái độ của trẻ em lang thang về tổ chức giáo dục cho các em thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên

Ý kiến cán bộ quản lý, giáo dục viên, cộng tác viên về sự lạm dụng thể xác đối với TELT

- 19 ý kiến, chiếm 13.6%: cho là một lần.

- 24 ý kiến, chiếm 17.1%: cho là từ 2 - 3 lần.
- 28 ý kiến, chiếm 20%: cho là nhiều lần.
- 69 ý kiến, chiếm 49.3%: cho là không đáng quan ngại.

Minh hoạ bằng sau:

Ý kiến về TELT bị ngược đãi về tinh thần: đe dọa, chửi mắng:

- 16 ý kiến, chiếm 11.4%: bị ngược đãi ít nhất là 1 lần.
- 28 ý kiến, chiếm 20%: bị ngược đãi tinh thần từ 2-3 lần.
- 45 ý kiến, chiếm 32.1%: bị ngược đãi tinh thần nhiều lần.
- 49 ý kiến, chiếm 35%: không bị ngược đãi về tinh thần.
- 2 GDV, CTV, chiếm 1.4%: không trả lời.

Ý kiến về TELT bị lạm dụng tình dục (LDTD)

- ✓ Không bị lạm dụng tình dục: 81 ý kiến, chiếm 57.8%.
- ✓ Bị LDTD một lần có 26 ý kiến, chiếm 18.6%.
- ✓ Bị LDTD 2-3 lần: 6 ý kiến, chiếm 4.0%.
- ✓ Bị LDTD nhiều lần: 19 ý kiến, chiếm 13.6%.

Không trả lời: 8 người, chiếm 5.7%. Số liệu trên cho thấy việc TELT bị LDTD là có xảy ra, không chỉ một hai lần mà một số em còn bị nhiều lần.

2.2.3. Nhận thức - thái độ của trẻ em lang thang về tổ chức giáo dục cho các em thông qua hoạt động giáo dục sức khoẻ sinh sản vị thành niên

550 phiếu hỏi trẻ em lang thang tại một số điểm, như: Quận 1, 3, 7, Bình Thạnh, Tân Bình, Gò Vấp, huyện Hóc Môn.

- Phân tích về giới tính

Số nam là 324 TELT, chiếm 59%. Số nữ là 224 TELT, chiếm 41%.

- Phân tích về tuổi đời

Nhóm TELT khảo sát có tuổi đời: Từ 10 - 11 tuổi có 89 TELT, chiếm 16.2%.

Từ 12 - 13 tuổi: 247 TELT, chiếm 44.9%. Từ 14-16 tuổi: 214 TELT, chiếm 38.9%.

- Phân tích về hoàn cảnh gia đình của TELT

232 TELT, chiếm 42.2% cho biết cha, mẹ còn sống chung với nhau.

110 TELT, chiếm 20% cha, mẹ của các em đã li dị hoặc li thân.

95 TELT, chiếm 17.3% đã mồ côi cha hoặc mẹ.

69 TELT, chiếm 12.5%: cha và mẹ không còn chung sống, nhưng không rõ có li dị hay li thân. Em G.H lang thang chợ rau quận 5, nói: “*Không thấy ba mẹ chung sống, thỉnh thoảng gặp nhau là cãi nhau, li dị chưa em không biết*”

318 TELT có cha, mẹ của các em đã li dị hoặc li thân và mồ côi cha hoặc mẹ; cũng như cha và mẹ không còn chung sống.

Bảng sau chỉ người thân của các em:

Bảng 2.3: TELT đang sống với những người thân

Nhóm TELT	TELT đang sống cùng với những người thân	TELT	Tỉ lệ %
Nhóm 1	Sống cùng với cha mẹ và ACE	125	22.7
Nhóm 2	Sống với mẹ và ACE (81em), cha và ACE (35em)	116	21.1
Nhóm 3	Sống với ông, bà (15em), ACE (62em), cô, chú (47em)	124	22.5
Nhóm 4	Sống tại mái ấm nhà mở	107	19.5
Nhóm 5	Sống với người cùng quê (45em), bạn bè (13em),	58	10.5
Nhóm 6	Làm thuê và sống nhà chủ	12	2.2
Nhóm 7	Sống tại công viên, góc phố	8	1.5
Tổng cộng		550	100%

Như vậy:

241 TELT, chiếm 43% là sống cùng cha, mẹ và anh chị em hay cùng với một người hoặc cha hoặc mẹ.

20 TELT, chiếm 3.7% các em rơi vào cảnh đang phải làm thuê hay ở ngoài góc phố, vệ đường.

Có tới 56% TELT là sống với người thân khác hoặc đang ở MANM.

- Phân tích về anh chị em trong gia đình TELT

Số TELT chỉ có một mình: 16 TELT, chiếm 2.9%.

Có một anh, hoặc chị, hoặc một em: 116 TELT, chiếm 21.1%

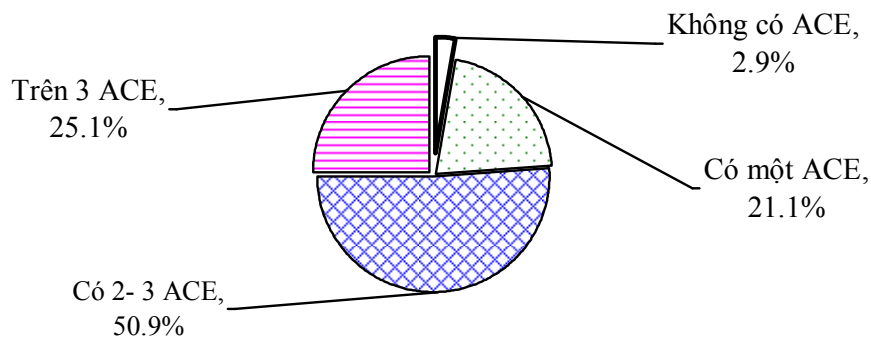
TELT có từ hai đến ba anh, chị, em: 280 TELT, chiếm 50.9%

Có trên ba anh, chị, em: 138 TELT, chiếm 25.1%.

Trong gia đình của các em lang thang đến 76% có từ 3 anh chị em trở lên.

Minh họa trong biểu đồ sau:

Biểu 2.2: Số anh chị em có trong gia đình TELT



Biểu đồ cho thấy vấn đề nảy sinh trẻ lang thang là do gia do con đông kinh tế khó khăn, cha mẹ thiếu điều kiện, thời gian chăm sóc con cái. Một em gái mới 11 tuổi, quận 7 tâm sự trong nước mắt: “*Cả ngày không ai hỏi đến em, dù một lời, em học lại tệ, không hiểu bài, em chán quá, nên bỏ đi lang thang*”.

- Phân tích hành vi sai phạm của TELT

Khi làm sai, vi phạm điều gì, TELT thường phải chịu các hình thức xử lý hành vi sai phạm pháp của các em, như :

- Bị cảnh cáo: 132 em, chiếm 24.0%.
- Bị đưa vào trường giáo dưỡng: 36 em, chiếm 6.5%.
- Bị phạt tiền: 28 em, chiếm 5.1%.
- Bị tạm giữ tại công an: 17 em, chiếm 3.1%.
- Các loại hình phạt khác: 7 em, chiếm 1.3%.

- Nhận thức, thái độ của TELT về SKSS.VTN

- Thích hiểu biết về SKSS.VTN: 212 ý kiến, chiếm 38.5%
- Không thích biết về SKSS.VTN: 320 ý kiến, chiếm 58.2%
- Không trả lời 18 ý kiến, chiếm 3.3%

Có 38.5% TELT có nhu cầu muốn hiểu biết về SKSS.VTN. Nhưng 58.2% TELT chưa muốn biết về SKSS.VTN.

Bảng 2.4: Ý kiến TELT khi hiểu biết về SKSS.VTN có ứng dụng được khi lang thang trên đường phố (so sánh theo thời gian lang thang)

Nội dung/ Thời gian lang thang	Trẻ em lang thang					
	Dưới 1 năm	Tỉ lệ %	Từ 2 - 3 năm	Tỉ lệ %	Trên 3 năm	Tỉ lệ %
Hiểu SKSS.VTN sẽ tránh bị LDTD	32	84.2	297	71.4	45	66.2
Hiểu SKSS.VTN tránh QHTD sớm	6	15.8	94	22.6	19	27.9
Không ứng dụng	0	0	25	6	4	5.9
Không trả lời	28 TELT					

Kết quả là trên 94% TELT đã sống ngoài đường phố từ dưới một năm đến trên 3 năm đều nhận ra rằng nếu có hiểu biết SKSS.VTN sẽ phòng tránh được tệ nạn xã hội.

2.2.4. Nhân tố tích cực trong lực lượng giáo dục trẻ em lang thang

2.3. Đánh giá chung kết quả tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên

Tiểu kết chương 2

Khảo sát và phân tích vấn đề tổ chức cho TELT thông qua hoạt động giáo dục SKSS.VTN tại thành phố Hồ Chí Minh cho thấy việc tổ chức giáo dục về SKSS.VTN cho TELT tuy có một số kết quả bước đầu, nhưng còn một số hạn chế.

Kết quả và hạn chế thể hiện như sau:

Cung cấp kiến thức cơ bản về SKSS.VTN cho TELT sống ngoài đường phố, nâng cao kỹ năng ứng phó khi bị quấy rối tình dục, giáo dục giới tính, tình bạn tình yêu, phòng tránh thai.

Một số các em biết đã điều chỉnh cách sống, cách suy nghĩ và có định hướng, cố gắng vượt những khó khăn.

Lực lượng giáo dục cho TELT tại thành phố Hồ Chí Minh tuy nhiệt tình với công tác chung. Nhưng họ còn gặp nhiều khó khăn cả về kiến thức và điều kiện đãi ngộ.

Sự phối hợp của các ban ngành địa phương còn chưa thật chặt chẽ.

Nhìn tổng quát hiện nay công tác tổ chức giáo dục TELT nói chung và thành phố Hồ Chí Minh đang có những hạn chế sau:

- Chưa tạo lập được một mô hình ổn định về tổ chức giáo dục TELT thông qua hoạt động giáo dục SKSS.VTN quán triệt đồng bộ cả khía cạnh quản lý và khía cạnh giáo dục SKSS.VTN.

- Các chủ thể tham gia vào công tác này chưa có sự phối hợp chặt chẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp.

- Điều kiện nhân lực và tài chính cung ứng cho công tác tổ chức theo mục tiêu đặt ra còn hạn chế.

- Công tác kiểm tra giám sát trên cả hai mặt: Xử lý hành vi vi phạm và tôn vinh các tấm lòng nhân ái tận tụy với các em còn chưa được quan tâm đúng mức.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC GIÁO DỤC TRẺ EM LANG THANG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC SỨC KHOẺ SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN

3.1. Các nguyên tắc đề xuất giải pháp

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính định hướng chung trong tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên

3.1.2. Nguyên tắc tôn trọng các đặc điểm tâm lý-xã hội của trẻ em lang thang trong tổ chức giáo dục thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên

3.1.3. Nguyên tắc phối hợp và phát huy thế mạnh của các lực lượng giáo dục trong tổ chức giáo dục trẻ em lang thang

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính hiện thực và tính khả thi

3.2. Các giải pháp tổ chức giáo dục cho trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên

3.2.1. Phát huy vai trò của các chủ thể tham gia hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho trẻ em lang thang

3.2.2. Hoàn thiện mô hình tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục về sức khỏe sinh sản vị thành niên

3.2.3. Tăng cường các điều kiện hỗ trợ tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên

3.2.4. Tăng cường kiểm tra giám sát-xử lý hành vi vi phạm đến quyền của trẻ em lang thang; tôn vinh các tấm lòng nhân ái hỗ trợ các em

3.3. Thử nghiệm các giải pháp được đề xuất

3.3.1. Trưng cầu ý kiến về tính cấp thiết, tính khả thi và hiệu quả của các giải pháp

Có 100 người tham gia trưng cầu ý kiến gồm: CBQL là 25 người. Giáo viên GDV, CTV là 75 người.

Kết quả trưng cầu ý kiến: Trong đó:

A chỉ cán bộ quản lý giáo dục, lãnh đạo địa phương.

B chỉ GV, GDV, CTV

Bảng 3.1: Kết quả đánh giá về tính cấp thiết tính khả thi của giải pháp được đề xuất

STT	Giải pháp	Tính cấp thiết (%)						Tính khả thi (%)					
		Rất cấp thiết		Cấp thiết		Không cấp thiết		Rất khả thi		Khả thi		Không khả thi	
		A	B	A	B	A	B	A	B	A	B	A	B
1	<i>Phát huy vai trò chủ thể tham gia</i>	92	100	08				96	96	04	04		
2	<i>Hoàn thiện mô hình tổ chức GD</i>	100	100					96	98	04	02		
3	<i>Tăng cường ĐK hỗ trợ GD TELT</i>	100	100					72	84	22	07	6	09
4	<i>Tăng cường kiểm tra giám sát</i>	94	93	06	07			80	82	10	08		

Từ ý kiến trên khi ứng dụng tổ chức giáo dục TELT cần lưu ý đến: Thực trạng của TELT tại Tp. Hồ Chí Minh. Hiện nay TELT có 3 nhóm khác nhau trên đường phố, nên các giải pháp cần linh hoạt theo từng nhóm TELT sau:

❖ Nhóm TELT sống cùng với gia đình tại cộng đồng TP.Hồ Chí Minh: Các em TELT thuộc nhóm này, ngoài việc tổ chức HĐGD cho trẻ em tại cộng đồng, gia đình như cha mẹ, hay người đang nuôi dưỡng TELT cũng cần được tổ chức cung cấp kiến thức về tác hại của TNXH để cùng cộng đồng giáo dục TELT. Với thông tin cung cấp cần tổ chức HĐGD cho cha mẹ TELT, ngoài nội dung về SKSS VTN, khi trao đổi cần làm rõ trách nhiệm, bổn phận làm cha, làm đối với con cái của họ. Biết rõ về Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em Việt Nam nhằm giúp cho TELT được chăm sóc, nuôi dạy đúng quy định của pháp luật. Các cơ quan chính quyền, tổ chức xã hội tại cộng đồng nơi mà TELT đang lang thang kiếm sống, có trách nhiệm giúp đỡ và giáo dục, hỗ trợ cho gia đình, như: vay vốn qua Chương trình xóa đói giảm nghèo, học bổng, trợ cấp xã hội, chăm sóc sức khỏe, học tập, vui chơi, giải trí hòa nhập cộng đồng, kiến thức phòng chống TNXH để phát triển thuận lợi.

❖ TELT có gia đình ở tỉnh, thành khác đang sống tại nhà trọ, các khu vực ổ chuột ở TP.Hồ Chí Minh: Tổ chức giáo dục qua hoạt động giáo dục cho TELT về SKSS.VTN như các trẻ em thuộc nhóm khác đang kiếm sống trên đường phố. Bên cạnh kết hợp địa phương tổ chức giáo dục qua hoạt động giáo dục cung cấp kiến thức cho nhóm cha mẹ đang sống tại các khu nhà trọ vào ban đêm. CBQL, GDV, CTV tại cộng đồng yêu cầu cha mẹ tham gia để giáo dục ý thức trách nhiệm với con là TELT. Cũng như họ phải có bổn phận trong việc bảo vệ an toàn cho con tránh các TNXH đang rình rập.

❖ Nhóm TELT tự kiếm sống với bạn bè không có nơi chốn ổn định, gia đình đang ở tỉnh, thành khác. Nhóm này không có cha mẹ, người thân bên cạnh thường dễ

bị ức hiếp và không được nhiều người, kể cả người lớn và trẻ em khác có điều kiện sống tốt hơn xem thường, khinh rẻ, khiến TELT này mất lòng tin, giảm lòng tự trọng, coi thường các mối quan hệ, dù ai tỏ ra thân tình thì các em cũng nghi ngại. Tuy nhiên, hai nhóm trên cũng chịu những áp lực này; nhưng bên cạnh TELT nhóm trên có cha mẹ, nên các em ít mặc cảm hơn.

3.3.2. Thử nghiệm giải pháp

Đánh giá kết quả về nhận thức và thái độ của trẻ em lang thang với giáo dục SKSS.VTN

Phần 1: Lượng giá khi tổ chức giáo dục.

Phần 2: Sau thời gian học là 3 - 4 tháng.

Trong 200 TELT đã được tổ chức giáo dục về SKSS.VTN. Người nghiên cứu chọn các em còn lang thang ở một khu vực khảo sát và GDV có thể tiếp cận. Tổ chức hoạt động giáo dục kéo dài 3 lượt trong 3 tháng từ 6/2005 đến 9/2005: Nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm tra đối chiếu kết quả:

Nhóm A: nhóm đã được tổ chức giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên, gồm có: Nữ: 20 em. Nam: 20 em. Với 28 em thuộc quận 1, 3, 5, 12 và Tân Bình, Bình Thạnh, huyện Hóc Môn có tham gia tổ chức GD.SKSS.VTN (4 em/quận, huyện). 12 em thuộc 3 MANM đã được tổ chức giáo dục, như: MANM. Ánh Sáng nam quận 3 và quận 10; MANM. Ánh Sáng nữ quận 10, MANM. Bà Chiểu nữ quận Bình Thạnh (3 em/MANM).

Nhóm B: TELT không tham gia đợt tổ chức giáo dục SKSS.VTN, với 40 em lang thang các quận, huyện, gồm: Nữ : 20 em. Nam: 20 em. Với: 28 em đang lang thang tại 7 quận, huyện như trên. 12 em ở một số MANM, mới vào, chưa được giáo dục về SKSS.VTN.

8 GDV, CTV tham gia thử nghiệm sự cần thiết, hiệu quả của giải pháp tổ chức giáo dục SKSS.VTN bằng phỏng vấn, trao đổi với các em. Một GDV hay CTV trao đổi cùng TELT. Một GDV, CTV ghi nhận kết quả và kiểm soát tiến trình khi thảo luận nhóm TELT A và B. Mỗi nhóm có 4 - 7 TELT.

Bộ câu hỏi gồm 12 câu sau: 5 câu hỏi mở. Tại sao? Bằng cách nào? Nhận thấy gì? 7 câu hỏi đóng, được đánh giá theo 4 mức độ:

- + Rất cần thiết / tốt
- + Cần thiết / khá
- + Không cần / bình thường
- + Không ý kiến / không quan tâm

Kết quả ghi nhận: Sau 1 tháng (từ 2/2006 – 3/2006) thực hiện như sau:

“Em thấy sự cần thiết khi hiểu biết về SKSS.VTN?”

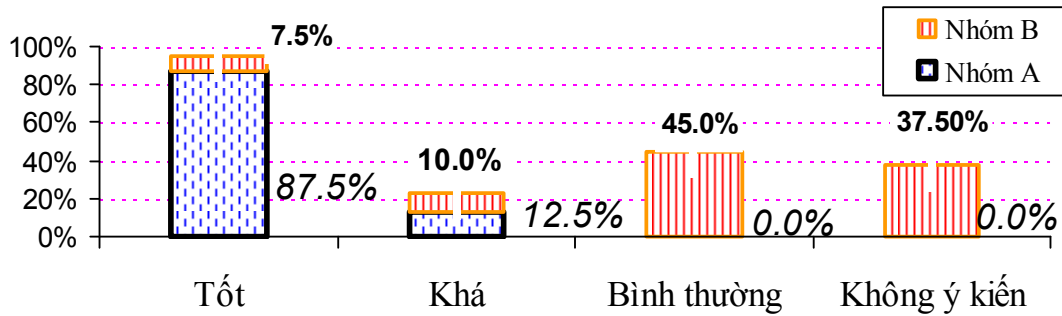
Nhóm/ Câu 1	Số lượng TELT có ý kiến (%)				
	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần	Không ý kiến	Cộng chung
Nhóm A	38 (95%)	1 (2.5%)	0	1 (2.5%)	40 (100%)
Nhóm B	2 (5%)	4 (10%)	20 (50%)	14 (35%)	40(100%)

Ghi nhận sau: Nhóm A: Rất cần, cần: 39/40 em, chiếm 97.5%.

Nhóm B: Không cần, không ý kiến: 34/68, chiếm 85%.

Tuy nhiên, nhóm B nhận thấy cần thiết biết về SKSS.VTN chiếm 15%

Biểu đồ 3.1: Khi hiểu về SKSS.VTN, TELT có an tâm biết phản ứng khi bị người xấu muốn lợi dụng



Khi có hiểu biết về SKSS.VTN em nhóm A cảm thấy an tâm hơn, mạnh mẽ hơn khi gặp những người xấu có ý lợi dụng, yêu cầu vận chuyển vật dụng chưa rõ với các mức tốt chiếm 87.5% và khá chiếm 12.5%.

Riêng nhóm B vì chưa được tổ chức thì với các mức tốt chiếm 7.5% và khá chiếm 10%. Mức bình thường và không quan tâm chiếm 82.5%.

Phân tích từ kết quả thử nghiệm: Cho thấy giữa nhóm A và B có sự chênh lệch về hiểu biết. Các em được tổ chức GD SKS.VTN biết phản ứng trong quá trình sống lang thang. Nhận thức của các em đã nâng lên nhất định trên 98% TELT đã biết từ chối khi có ai thiếu tôn trọng hay lạm dụng. Quá trình tổ chức giáo dục đã góp phần cung cấp đầy đủ thông tin do các em hiệu quả. Giữa nhóm A được giáo dục về SKSS.VTN là tốt, nhóm B chưa được giáo dục cần tổ chức kịp thời.

Tiểu kết chương 3

Các giải pháp về tổ chức giáo dục cho trẻ em sống lang thang trong chương:

1. Phát huy vai trò của các chủ thể tham gia hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho trẻ em lang thang
2. Hoàn thiện mô hình tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục về sức khỏe sinh sản vị thành niên
3. Tăng cường các điều kiện hỗ trợ tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên
4. Tăng cường kiểm tra giám sát - xử lý hành vi vi phạm đến quyền của trẻ em lang thang; tôn vinh các tấm lòng nhân ái hỗ trợ các em

Trong hoàn cảnh hiện nay, đặc biệt với thành phố Hồ Chí Minh, trong bốn giải pháp được đề xuất, riêng giải pháp 4 cần được chú ý nhiều hơn. Nếu biết chọn điểm nhấn vào giải pháp này, sẽ có tác động hỗ trợ cho ba giải pháp còn lại, đẩy mạnh đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ em lang thang về sức khỏe sinh sản vị thành niên.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nội dung đề cập ở các chương trên cho thấy mục đích và nhiệm vụ đặt ra đã hoàn thành. Tác giả rút ra một số kết luận và khuyến nghị sau:

1. Kết luận

1.1. Trẻ em lang thang là vấn nạn chung không chỉ ở một số nước trên thế giới mà là điều nhức nhối của các nước đang phát triển. Việt Nam cũng đang chịu đựng vấn nạn này. Vấn đề càng trở nên bức xúc khi đất nước đang tiến mạnh vào nền kinh tế thị trường hội nhập sâu với thế giới.

Tổ chức giáo dục trẻ em lang thang ở nước ta vì mục tiêu ổn định xã hội, song yêu cầu nhân văn hơn vì chính các em. Xã hội ta dù đi vào kinh tế thị trường song vẫn phải giữ được bản chất xã hội chủ nghĩa. Phải cố gắng bằng sức mạnh tổng hợp của xã hội giúp cho các em không sa vào tệ nạn xã hội và được hoàn thiện nhân cách như trẻ em bình thường khác, được học hành, có cơ hội bình đẳng trong phát triển năng lực. Giáo dục cho trẻ em lang thang có nhiều việc phải làm, nhiều hoạt động được tiến hành song có một việc phải chú ý nhiều hơn. Đó là giáo dục SKSS.VTN.

Trẻ em lang thang thiếu sự che chở của gia đình lại không học hành hệ thống trong các trường chính quy. Các em chịu nhiều thiệt thòi trong việc tiếp nhận thông tin. Chính vì vậy phải tìm ra các nội dung chọn lọc, thích hợp với hoàn cảnh của các em, với tâm sinh lý của các em. Phải huy động được các lực lượng có tấm lòng yêu thương các em, hoạt động giáo dục theo chủ đề này với mục tiêu không vụ lợi, lực lượng giáo dục này phải được bồi dưỡng nâng cao năng lực giao tiếp; nâng cao kiến thức về lĩnh vực sức khỏe sinh sản vị thành niên.

1.2. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đi đầu trong cả nước về phát triển kinh tế, đô thị hoá. Song tại nơi này cũng có nhiều vấn đề bức thiết trước hiện tượng trẻ em lang thang.

Số trẻ em lang thang ngày càng đông lên dù thành phố đã có những cố gắng giúp các em hồi gia, được chăm sóc trong một số mái ấm nhà mở. Số trẻ em lang thang cũng có chiều hướng ngày càng phức tạp.

Tổ chức giáo dục cho trẻ em lang thang tại thành phố này qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên đã được chú ý và có một số kết quả bước đầu song còn nhiều hạn chế. Hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho trẻ em lang thang còn thiếu bao quát chung, chưa quán triệt một cách sâu sắc các vấn đề tâm lý - xã hội đa dạng phức tạp của các em. Lực lượng giáo dục còn bị phân tán, chưa thật chuyên nghiệp.

1.3. Để nâng cao chất lượng giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho trẻ em lang thang, luận án này đã nghiên cứu và thử nghiệm có kết quả tốt đến nhóm TELT trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả đề xuất một số giải pháp đã được tổng hợp trên nền tảng lý luận quản lý giáo dục và lý luận giáo dục học. Đó là các giải pháp:

- Phát huy vai trò của các chủ thể/lực lượng tham gia giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên trong công tác giáo dục cho trẻ em lang thang.
- Xây dựng hoàn thiện mô hình giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên.
- Tăng cường các điều kiện hỗ trợ cho việc giáo dục trẻ em lang thang tập trung vào hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên.
- Tăng cường kiểm tra giám sát - xử lý hành vi vi phạm đến quyền của trẻ em lang thang; tôn vinh các tấm lòng nhân ái hỗ trợ các em

Các giải pháp này đã được thăm dò tính cấp thiết và tính khả thi đối với thực tế tại thành phố Hồ Chí Minh. Giải pháp xây dựng mô hình tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên đã được thử nghiệm qua thực tế và thu được kết quả tích cực. Điều đó cho thấy có thể mở rộng trên các địa bàn có cùng hoàn cảnh tự trong cả nước.

2. Khuyến nghị

2.1. Với Đảng và Nhà nước

Vấn đề trẻ em lang thang là vấn đề xã hội có tính lâu dài, không thể chỉ bằng các biện pháp cưỡng bức hành chính để có giải quyết một sớm một chiều. Các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có tính tổng hợp để cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, làm cho môi trường dân cư tốt lên, tăng cường thực hiện dân chủ ở đời sống cơ sở và ổn định chất lượng dân số là gốc để giải quyết vấn đề trẻ em lang thang một cách cơ bản và bền vững.

2.2. Với các ngành hữu quan: Tổng cục Dân số - Bộ Y tế, Cục Bảo vệ và chăm sóc trẻ em-Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Vụ Gia đình- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Giáo dục đào tạo

Trước đây tồn tại Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em nên vấn đề giải quyết về trẻ em lang thang nói chung và giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho trẻ em lang thang có nhiều thuận lợi. Ngày nay thiết chế đó không còn. Hình thành Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Vụ Gia đình thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Tổng cục Dân số thuộc Bộ Y tế.

Chúng tôi khuyến nghị các cơ quan trên phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục Đào tạo thực hiện các chương trình giáo dục cho trẻ em lang thang bằng việc tăng cường giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho các em.

Đô thị hóa tăng nhanh sẽ có nhiều trẻ em lang thang và số các em này theo Luật Phổ cập Giáo dục, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em cần được đi học bằng các hình thức học không chính quy. Nhiệm vụ Phổ cập Giáo dục cho mỗi người là nhiệm vụ thường trực của ngành giáo dục. Các lớp phổ cập không chính quy này cần được sự chú ý vào nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên và điều này phải có sự giúp đỡ của Tổng cục Dân số - Bộ Y tế, Cục Bảo vệ và chăm sóc trẻ em-Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Vụ Gia đình- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Giáo dục - Đào tạo

Ngành Công an có nhiệm vụ quản lý an ninh trên các địa bàn. Việc quản lý trẻ em lang thang nên tránh dùng biện pháp mạnh (trừ trường hợp có dấu hiệu cấu thành tội phạm). Ngành Công an có trách nhiệm giúp đỡ ngành giáo dục nắm vững số trẻ em lang thang trên các địa bàn để mở lớp cho các em.

Các Tổ chức xã hội và chính trị xã hội, như Hội Cựu giáo chức, Hội Khuyến học, Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên,... cần có sự quan tâm đến vấn đề trẻ em lang thang giúp đỡ cho ngành giáo dục ở mỗi địa phương thực hiện các mục tiêu giáo dục cho trẻ em lang thang theo Luật Phổ cập giáo dục, đặc biệt hỗ trợ mục tiêu giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên bằng nhân lực, vật lực và tài chính theo phạm vi có thể có được của tổ chức mình. Tất cả cần hành động theo mục tiêu “Vì tương lai con em chúng ta” Và công việc này được đặt dưới sự chỉ đạo của cấp Ủy Đảng địa phương.

Trên địa bàn bắt được trẻ em lang thang, hoặc nếu có trẻ em lang thang song mỗi trẻ này đều có cơ hội tiếp nhận sự quan tâm, sự yêu thương của cộng đồng để nhân cách không bị suy thoái thì điều đó là sự ưu việt của xã hội ta.

2.3. Với thành phố Hồ Chí Minh

Dù địa phương có nhiều sáng kiến và hình thức giáo dục trẻ em lang thang, đặc biệt là giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho nhóm dân cư thiệt thòi này, song kết quả vẫn còn chưa tương xứng với tiềm năng và khả năng của thành phố.

Sự quan tâm của thành phố cần tập trung nhiều hơn nữa. Thành phố cũng cần có giải pháp huy động lực lượng tình nguyện viên, các nhà hảo tâm cho công tác tổ chức giáo dục trẻ em lang thang. Đặc biệt là giáo dục các em qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên. Mô hình tổ chức giáo dục trẻ em lang thang thông qua hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên được đề cập trong Luận án này cần các cấp chính quyền thành phố quan tâm để thực hiện rộng rãi hơn trên các địa bàn quận, huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh.